

2	Trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng ở thực vật	Trao đổi nước và khoáng ở thực vật	4	4		2					6		6		
		Quang hợp ở thực vật	4	1				2			3		5		
		Hô hấp ở thực vật	3	2				1			3		4		
		Dinh dưỡng và tiêu hóa ở động vật	3	2		1				3		3			
		Hô hấp ở động vật	3	2		1			1	3	1	9			
		Tuần hoàn ở động vật	5	4		1		1		6		7			
		Miễn dịch ở người và động vật	3	1				1	1	2	1	9			
		Bài tiết và cân bằng nội môi	2	2						2		2			
Tổng			29	18	18,0	5	5,0	5	10	2	12	28	2	45p	10,0
Tỉ lệ (%)				4.5		1.25		1.25		3.0					100
Tỉ lệ chung (%)				5,75				4.25							

BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I - MÔN SINH HỌC 11-KNTT
THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ ĐG	Mức độ kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi		Câu hỏi số		
				TN	TL	TN	TL	
Trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở sinh vật								
1. Khái quát trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng trong sinh giới (2 tiết)	1.1. Trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng	Nhận biết	Nêu được các dấu hiệu đặc trưng của trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng: - thu nhận các chất từ môi trường. - vận chuyển các chất. - biến đổi các chất. - tổng hợp các chất và tích lũy năng lượng. - phân giải các chất và giải phóng năng lượng. - đào thải các chất ra môi trường. - điều hoà.					
			Thông hiểu	Mô tả tóm tắt được ba giai đoạn chuyển hoá năng lượng: - tổng hợp, - phân giải. - huy động năng lượng.				
				Trình bày được mối quan hệ giữa trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở cấp tế bào.				
				Trình bày được mối quan hệ giữa trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở cấp cơ thể.				
				Phân tích được vai trò của trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng đối với sinh vật.				

	1.2. Các phương thức trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng	Nhận biết	Nêu được các phương thức trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng: - tự dưỡng. - dị dưỡng.				
			Nêu được khái niệm tự dưỡng.				
			Nêu được khái niệm dị dưỡng.				
		Vận dụng	Lấy được ví dụ minh hoạ về các phương thức trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng.				
			Phân tích được vai trò của sinh vật tự dưỡng trong sinh giới.				
2. Trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở thực vật							
- Trao đổi nước và khoáng ở thực vật (6 tiết)	+ Vai trò của nước + Sự hấp thụ nước và muối khoáng + Sự vận chuyển các chất trong cây + Sự thoát hơi nước ở lá	Nhận biết	Nêu được vai trò của nước trong cây	1		1	
			Nêu được cơ quan hút nước	1		2	
			Nêu được cơ chế hấp thụ nước và khoáng ở tế bào lông hút của rễ.	1		3	
			Nêu được sự vận chuyển các chất trong cây theo dòng mạch gỗ. - Cấu tạo - Thành phần dịch mạch gỗ - Động lực - Chiều vận chuyển				
			Nêu được sự vận chuyển các chất trong cây theo dòng mạch rây. - Cấu tạo - Thành phần dịch mạch rây - Động lực - Chiều vận chuyển				

			Nêu được sự vận chuyển các chất hữu cơ trong mạch rây cung cấp cho các hoạt động sống của cây và dự trữ trong cây.				
	Thông hiểu		Trình bày được nước có vai trò vừa là thành phần cấu tạo tế bào thực vật, là dung môi hoà tan các chất, môi trường cho các phản ứng sinh hoá, điều hoà thân nhiệt và vừa là phương tiện vận chuyển các chất trong hệ vận chuyển ở cơ thể thực vật.				
			Mô tả được quá trình trao đổi nước trong cây, gồm: sự hấp thụ nước ở rễ, sự vận chuyển nước ở thân và sự thoát hơi nước ở lá.				
			Trình bày được sự vận chuyển các chất trong cây theo dòng mạch rây. - Cấu tạo - Thành phần dịch mạch rây - Động lực - Chiều vận chuyển	1		5	
			Trình bày được cơ chế hấp thụ nước và khoáng ở tế bào lông hút của rễ.				
			Trình bày được sự vận chuyển nước và khoáng trong cây phụ thuộc vào: động lực hút của lá (do thoát hơi nước tạo ra), động lực đẩy nước của rễ (do áp suất rễ tạo ra) và động lực trung gian (lực liên kết giữa các phân tử nước và lực bám giữa các phân tử nước với thành mạch dẫn).				
	Nhận biết		Nêu được khái niệm dinh dưỡng ở thực vật				
	+ Vai trò của các nguyên tố		Nêu được các nguồn cung cấp nitơ cho cây, quá trình hấp thụ và biến đổi ammonium ở thực vật.	1		4	

<p>khoáng + Dinh dưỡng nitơ + Các nhân tố ảnh hưởng đến trao đổi nước và dinh dưỡng khoáng ở thực vật và ứng dụng</p>	Thông hiểu	Trình bày được các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình dinh dưỡng khoáng ở cây, đặc biệt là nhiệt độ và ánh sáng.				
		Trình bày được cơ chế đóng mở khí khổng thực hiện chức năng điều tiết quá trình thoát hơi nước.	1		6	
		Trình bày được quá trình hấp thụ và biến đổi nitrate ở thực vật.				
		Trình bày được quá trình hấp thụ và biến đổi ammonium ở thực vật.				
		Phân tích được vai trò của phân bón đối với năng suất cây trồng.				
		Nhận biết được một số biểu hiện của cây do thiếu khoáng dựa vào quan sát hình ảnh/mẫu vật.				
	Vận dụng	Thông qua thực hành, mô tả được cấu tạo khí khổng ở lá.				
		Giải thích được vai trò quan trọng của sự thoát hơi nước đối với đời sống của cây.				
		Giải thích được sự cân bằng nước và việc tưới tiêu hợp lí.				
		Giải thích được phản ứng chống chịu hạn.				
		Giải thích được các phản ứng chống chịu ngập úng.				
		Giải thích được các phản ứng chống chịu mặn của thực vật.				

			Giải thích được cơ sở của việc chọn giống cây trồng có khả năng chống chịu.				
		Vận dụng cao	Ứng dụng được kiến thức về ảnh hưởng của các nhân tố đến quá trình dinh dưỡng khoáng vào thực tiễn.				
			Thiết kế được các thí nghiệm chứng minh sự hút nước ở rễ; vận chuyển nước ở thân và thoát hơi nước ở lá.				
			Ứng dụng hiểu biết về vai trò của nước với cây trồng để đưa ra phương án tưới nước chăm sóc cây hợp lí.				
			Vận dụng được kiến thức để thiết kế trồng cây theo phương pháp thủy canh, khí canh.				
2.2. Quang hợp ở thực vật (5 tiết)	+ Khái quát về quang hợp + Các giai đoạn của quá trình quang hợp + Các nhân tố ảnh hưởng đến quang hợp ở thực vật + Quang hợp và năng suất cây trồng.	Nhận biết	Phát biểu được khái niệm quang hợp ở thực vật.				
			Viết được phương trình quang hợp.				
			Nêu được vai trò của quang hợp ở thực vật (vai trò đối với cây, với sinh vật và sinh quyển).				
			Vị trí diễn ra các pha	1		8	
			Nêu được các con đường đồng hoá carbon trong quang hợp.				
			Trình bày được vai trò của sắc tố trong việc hấp thụ năng lượng ánh sáng.				
			Nhóm thực vật C3				
			Nhóm thực vật C4				
			Nhóm thực vật CAM				
			Nêu được các sản phẩm của quá trình biến đổi năng lượng ánh sáng thành năng lượng hoá học (ATP và NADPH).				

		Thông hiểu	Trình bày được vai trò của sản phẩm quang hợp trong tổng hợp chất hữu cơ (chủ yếu là tinh bột) đối với cây.				
			Trình bày được vai trò của sản phẩm quang hợp trong tổng hợp chất hữu cơ đối với sinh giới.				
		Vận dụng	Chứng minh được sự thích nghi của thực vật C4 và CAM trong điều kiện môi trường bất lợi.				
			Phân tích được ảnh hưởng của các điều kiện đến quang hợp (ánh sáng, CO ₂ , nhiệt độ).				
			Phân tích được mối quan hệ giữa quang hợp và năng suất cây trồng.				
			Vận dụng hiểu biết về quang hợp để giải thích được một số biện pháp kĩ thuật và công nghệ nâng cao năng suất cây trồng.	1		9	
			Mô tả được lục lạp trong tế bào thực vật thông qua các tiêu bản thực hành/ tranh ảnh.				
			Phân tích được các bước thực hiện việc nhận biết, tách chiết các sắc tố (chlorophyll a, b; carotene và xanthophyll) trong lá cây.				
		Vận dụng cao	Thiết kế được các thí nghiệm về sự hình thành tinh bột; thải oxygene trong quá trình quang hợp.	1		10	
			Thực hiện được các thí nghiệm về sự hình thành tinh bột; thải oxygene trong quá trình quang hợp.				
2.3. Hô hấp ở thực vật (2 tiết)	+ Khái niệm + Vai trò của hô hấp + Các giai đoạn hô hấp ở	Nhận biết	Nêu được khái niệm hô hấp ở thực vật.	1		11	
			Nêu được nơi diễn ra hh	1		12	
		Thông hiểu	Trình bày được sơ đồ các giai đoạn của hô hấp ở thực vật.				

	thực vật		Phân tích được vai trò của hô hấp ở thực vật.				
			Phân tích được ảnh hưởng của điều kiện môi trường đến hô hấp ở thực vật.				
		Vận dụng	Phân tích được mối quan hệ giữa quang hợp và hô hấp.				
	+ Các nhân tố ảnh hưởng đến hô hấp ở thực vật + Ứng dụng + Quan hệ giữa quang hợp và hô hấp	Vận dụng cao	Vận dụng được hiểu biết về hô hấp giải thích các vấn đề thực tiễn (ví dụ: bảo quản hạt và nông sản, cây ngập úng sẽ chết,...).				
			Thiết kế được thí nghiệm hô hấp ở thực vật.	1		13	

3. Trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở động vật

3.1. Dinh dưỡng và tiêu hoá ở động vật	+ Quá trình dinh dưỡng + Các hình thức tiêu hoá ở động vật + Ứng dụng	Nhận biết	Nêu được quá trình dinh dưỡng bao gồm: lấy thức ăn; tiêu hoá thức ăn; hấp thu chất dinh dưỡng và đồng hoá các chất.	1		14		
			nêu được hình thức tiêu hoá ở động vật có túi tiêu hoá;	1		15		
		Thông hiểu						
			Trình bày được quá trình dinh dưỡng bao gồm: lấy thức ăn; tiêu hoá thức ăn; hấp thu chất dinh dưỡng và đồng hoá các chất.					
			Dựa vào sơ đồ (hoặc hình ảnh), trình bày được hình thức tiêu hoá ở động vật chưa có cơ quan tiêu hoá;					
			Dựa vào sơ đồ (hoặc hình ảnh), trình bày được hình thức tiêu hoá ở động vật có túi tiêu hoá;					

			Dựa vào sơ đồ (hoặc hình ảnh), trình bày được hình thức tiêu hoá ở động vật động vật có ống tiêu hoá.	1		16	
		Vận dụng	Giải thích được vai trò của việc sử dụng thực phẩm sạch trong đời sống con người.				
		Vận dụng cao	Vận dụng được hiểu biết về dinh dưỡng trong xây dựng chế độ ăn uống và các biện pháp dinh dưỡng phù hợp ở mỗi lứa tuổi và trạng thái cơ thể.				
			Vận dụng được hiểu biết về hệ tiêu hoá để phòng các bệnh về tiêu hoá.				
			Thông qua việc tìm hiểu thực tiễn để đưa ra được biện pháp phòng tránh các bệnh về tiêu hoá ở người.				
			Thông qua việc thực hiện tìm hiểu thực tiễn để đưa ra biện pháp phòng tránh các bệnh học đường liên quan đến dinh dưỡng như béo phì, suy dinh dưỡng.				
3.2. Hô hấp và trao đổi khí ở	+ Vai trò hô hấp + Các hình thức hô hấp + ứng dụng	Nhận biết	Nêu được các hình thức trao đổi khí: qua bề mặt cơ thể; ống khí; mang; phổi.	2		17, 19	
		Thông hiểu	Dựa vào hình ảnh, sơ đồ, trình bày được các hình thức trao đổi khí: qua bề mặt cơ thể; ống khí; mang; phổi.				
		Vận dụng	Phân tích được vai trò của hô hấp ở động vật: trao đổi khí với môi trường và hô hấp tế bào.				

động vật			Vận dụng hiểu biết về hô hấp trao đổi khí để phòng các bệnh về đường hô hấp.	1		21	
			Giải thích được tác hại của ô nhiễm không khí đến hô hấp.				
			Giải thích được tác hại của hút thuốc lá đối với sức khỏe.				
		Vận dụng cao	Giải thích được một số hiện tượng trong thực tiễn, ví dụ: nuôi tôm, cá thường cần có máy sục khí oxygene, nuôi ếch chú ý giữ môi trường ẩm ướt,...		1		30
			Thiết kế được kế hoạch thể dục, thể thao nhằm bảo vệ và phát triển hệ hô hấp ở người.				
			Trình bày được quan điểm của bản thân về việc xử phạt người hút thuốc lá ở nơi công cộng và cấm trẻ em dưới 16 tuổi hút thuốc lá.				
3.3. Vận chuyển các chất trong cơ thể động vật	<ul style="list-style-type: none"> + Khái quát hệ vận chuyển + Các dạng hệ tuần hoàn + Cấu tạo và hoạt động của tim và hệ mạch + Vận chuyển máu trong hệ mạch + Ứng dụng 	Nhận biết	Nêu được một số dạng hệ vận chuyển ở các nhóm động vật khác nhau.	2		18, 20	
			Nêu được khả năng tự phát nhịp gây nên tính tự động của tim	1		22	
			Trình bày được khái quát hệ vận chuyển trong cơ thể động vật.				
			Trình bày được cấu tạo của tim.				
			Trình bày được hoạt động của tim.				
		Thông hiểu	Dựa vào hình ảnh, sơ đồ, mô tả được cấu tạo của hệ mạch.				
			Dựa vào hình ảnh, sơ đồ, mô tả hoạt động của hệ mạch.				
			Mô tả được quá trình vận chuyển máu trong hệ mạch (huyết áp, vận tốc máu và sự trao đổi chất giữa máu với các tế bào).				
			Dựa vào hình ảnh, sơ đồ, phân biệt được các dạng tuần hoàn ở động vật: tuần hoàn kín và tuần hoàn hở;				

		Dựa vào hình ảnh, sơ đồ, phân biệt được các dạng tuần hoàn ở động vật: tuần hoàn đơn và tuần hoàn kép.				
--	--	--	--	--	--	--

			Trình bày được sự phù hợp giữa cấu tạo và chức năng của tim.					
			Chu kỳ tim	1		23		
		Vận dụng		Giải thích được khả năng tự phát nhịp gây nên tính tự động của tim.				
				Giải thích được Huyết áp của một người khi vận động nặng				
	+ Điều hoà hoạt động tim mạch + Ứng dụng	Nhận biết		Nêu được hoạt động tim mạch được điều hoà bằng cơ chế thần kinh.				
				Nêu được hoạt động tim mạch được điều hoà bằng cơ chế thể dịch.				
				Kể được các bệnh thường gặp về hệ tuần hoàn.				
		Thông hiểu	Trình bày được một số biện pháp phòng chống các bệnh tim mạch.					
		Vận dụng	Trình bày được vai trò của thể dục, thể thao đối với tuần hoàn.					
		Vận dụng cao		Phân tích được tác hại của việc lạm dụng rượu, bia đối với sức khoẻ của con người, đặc biệt là hệ tim mạch.				
				Thông qua giá trị đo huyết áp ở người để nhận biết được trạng thái sức khoẻ.	1		24	
				Thông qua thực hành đo nhịp tim người để giải thích được kết quả đo ở các trạng thái hoạt động khác nhau.				
			Trình bày được tiến trình thực hành mổ tim ếch.					
			Thông qua thực hành mổ tim ếch: + Tìm hiểu tính tự động của tim; + Xác định được vai trò của dây thần kinh giao cảm và đối giao cảm; + Xác định được tác động của adrenalin đến hoạt động của tim.					
		Đánh giá được ý nghĩa việc xử phạt người tham gia giao thông khi sử dụng rượu, bia.						

	Miễn dịch ở động vật	Nhận biết	Phát biểu được khái niệm miễn dịch				
			Mô tả được khái quát về hệ miễn dịch ở người: các tuyến và vai trò	1		25	

			của mỗi tuyến.				
			Nêu được các nguyên nhân bên gây nên các bệnh ở động vật và người.				
			Nêu được bên ngoài gây nên các bệnh ở động vật và người.				
		Thông hiểu	Phân biệt được miễn dịch không đặc hiệu và miễn dịch đặc hiệu.				
			Trình bày được cơ chế mắc bệnh và cơ chế chống bệnh ở động vật.				
			Trình bày được quá trình phá vỡ hệ miễn dịch của các tác nhân gây bệnh trong cơ thể người bệnh: HIV, ung thư, tự miễn.				
			Phân tích được vai trò của việc chủ động tiêm phòng vaccine.				
		Vận dụng	Giải thích được vì sao nguy cơ mắc bệnh ở người rất lớn, nhưng xác suất bị bệnh rất nhỏ.		1		29
			Giải thích được quá trình phá vỡ hệ miễn dịch của các tác nhân gây bệnh trong cơ thể người bệnh: HIV, ung thư, tự miễn.	1		26	
		Vận dụng cao	Giải thích được cơ sở của hiện tượng dị ứng với chất kích thích, thức ăn.				
			Giải thích được cơ chế thử phản ứng khi tiêm kháng sinh.				
			Thông qua việc điều tra thực tiễn để xác định được thực trạng thực hiện tiêm phòng bệnh, dịch trong trường học hoặc tại địa phương.				
3.4. Bài tiết và cân bằng nội môi	+ Bài tiết và cơ chế bài tiết + Vai trò của thận trong bài tiết + Khái niệm nội môi, cân	Nhận biết	Phát biểu được khái niệm bài tiết.	1		27	
			Trình bày được vai trò của bài tiết.				
			Kể tên được một số cơ quan tham gia điều hoà cân bằng nội môi và hằng số nội môi cơ thể.	1		28	
			Nêu được khái niệm nội môi.				

	bằng động + Cân bằng	Nêu được khái niệm cân bằng động				
--	-------------------------	----------------------------------	--	--	--	--

	nội môi	Thông hiểu	Lấy được ví dụ ở người về các chỉ số cân bằng pH.				
			Lấy được ví dụ ở người về các chỉ số cân bằng đường.				
			Lấy được ví dụ ở người về các chỉ số cân bằng nước.				
			Trình bày được vai trò của thận trong bài tiết và cân bằng nội môi.				
			Dựa vào sơ đồ, giải thích được cơ chế chung điều hoà nội môi.				
		Vận dụng	Trình bày được các biện pháp bảo vệ thận: điều chỉnh chế độ ăn và uống đủ nước; không sử dụng quá nhiều loại thuốc; không uống nhiều rượu, bia.				
		Vận dụng cao	Vận dụng được kiến thức bài tiết để phòng và chống được một số bệnh liên quan đến thận và bài tiết (suy thận, sỏi thận,...).				
			Nêu được tầm quan trọng của việc xét nghiệm định kì các chỉ số sinh hoá liên quan đến cân bằng nội môi.				
			Giải thích được các kết quả xét nghiệm.				

ĐỀ GÓC

Môn: Sinh học. Lớp: 11

Thời gian làm bài: 45 phút

(không tính thời gian phát đề)

Họ và tên học sinh: SBD.....

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7 ĐIỂM)

Câu 1 (B): Nước chiếm khoảng bao nhiêu phần trăm khối lượng tươi của thực vật?

- A. 10-20%. B. 30-50%. C. 50-70%. D. 70-90%.

Câu 2 (B): Rễ cây trên cạn hấp thụ nước và muối khoáng chủ yếu qua

- A. miền lông hút. B. miền chóp rễ.
C. miền sinh trưởng. D. miền trưởng thành.

Câu 3 (B): Rễ cây trên cạn hấp thụ khoáng từ đất theo cơ chế nào?

- A. Cơ chế thẩm thấu và thẩm tách. B. Cơ chế chủ động và thẩm thấu.
C. Cơ chế thụ động và thẩm tách. D. Cơ chế thụ động và chủ động.

Câu 4 (B): Thực vật hấp thụ nitrogen chủ yếu ở dạng nào sau đây?

- A. NO_2^- và NH_3 . B. NO_3^- và NH_3 . C. NO_3^- và NH_4^+ . D. NH_3 và NH_4^+ .

Câu 5 (H): Khi nói về dòng mạch rây, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

- I. Trong mạch rây, các chất vận chuyển chỉ di chuyển theo một hướng, từ lá xuống rễ.
II. Các tế bào ống rây xếp chồng lên nhau theo chiều thẳng đứng và thông với nhau qua các lỗ ở hai đầu của tế bào.
III. Thành phần chủ yếu của dịch mạch rây là nước, chất khoáng và một số chất tan khác.
IV. Mạch rây có thể nhận nước từ mạch gỗ chuyển sang, đảm bảo cho quá trình vận chuyển chất tan diễn ra thuận lợi.

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 6 (H): Khi tế bào khí khổng trương nước thì

- A. thành mỏng dãn nhanh hơn thành dày làm cho khí khổng mở ra.
B. thành mỏng dãn nhanh hơn thành dày làm cho khí khổng đóng lại.
C. thành dày dãn nhanh hơn thành mỏng làm cho khí khổng mở ra.
D. thành dày dãn nhanh hơn thành mỏng làm cho khí khổng đóng lại.

Câu 7 (B): Sắc tố quang hợp nào sau đây có chức năng chuyển hóa quang năng thành hóa năng trong các phân tử ATP và NADPH?

- A. diệp lục a. B. diệp lục b. C. carotene. D. xanthophyl.

Câu 8 (B): Sản phẩm của pha sáng không sử dụng cho pha tối trong quang hợp là

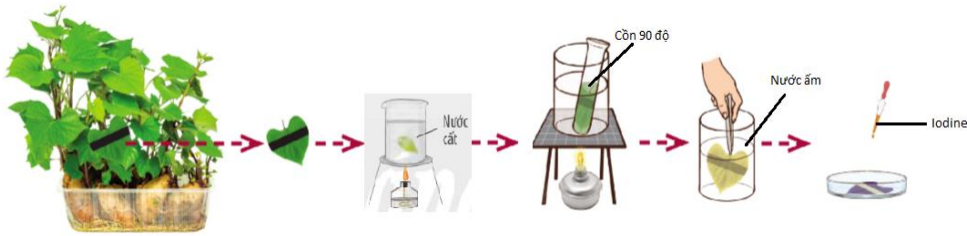
- A. O_2 . B. ATP. C. NADPH. D. CO_2 .

Câu 9 (VD): Khi nói về các phương pháp được sử dụng để nâng cao năng suất cây trồng, có bao nhiêu phương pháp sau đây đúng?

- I. Bón phân và tưới tiêu hợp lý.
II. Tăng tổng diện tích lá cây trồng.
III. Gieo trồng đúng thời vụ.
IV. Tạo giống có cường độ quang hợp cao.

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 10 (VD): Cho các bước tiến hành thí nghiệm được mô tả trong hình vẽ dưới đây:



Thí nghiệm trên nhằm chứng minh vấn đề gì sau đây?

- A. Sự tạo thành diệp lục trong quá trình quang hợp ở cây xanh.
- B. Sự tạo thành tinh bột trong quá trình quang hợp ở cây xanh.**
- C. Sự tạo thành chất khoáng trong quá trình quang hợp ở cây xanh.
- B. Sự tạo thành khí oxygen trong quá trình quang hợp ở cây xanh.

Câu 11 (B): Chất mang năng lượng tạo ra trong hô hấp ở thực vật cung cấp cho các hoạt động sống chủ yếu là

- A. ATP.**
- B. pyruvate.
- C. CO₂.
- D. H₂O.

Câu 12 (B): Nơi diễn ra sự hô hấp mạnh nhất ở thực vật là

- A. rễ.**
- B. thân.
- C. lá.
- D. quả

Câu 13 (VD): Để phát hiện hô hấp ở thực vật, người ta đã bố trí ba thí nghiệm theo các hình A, B, C tương ứng. Có bao nhiêu phát biểu sau đây **sai** về các thí nghiệm quá trình hô hấp ở thực vật sau đây?

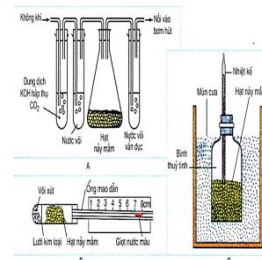
I. Thí nghiệm A nhằm phát hiện sự hút O₂, thí nghiệm B dùng để phát hiện sự thải CO₂, thí nghiệm C để chứng minh có sự gia tăng nhiệt độ trong quá trình hô hấp.

II. Trong thí nghiệm A, dung dịch KOH sẽ hấp thu CO₂ từ quá trình hô hấp của hạt.

III. Trong thí nghiệm A, cả hai dung dịch nước vôi ở hai bên lọ chứa hạt mầm đều bị vẩn đục.

IV. Trong thí nghiệm B, vôi xút có vai trò hấp thu CO₂ và giọt nước màu đầy xa hạt nảy mầm.

- A. 4**
- B. 3
- C. 2.
- D. 1



hấp
nảy
sẽ bị

Câu 14 (B): Ở động vật có túi tiêu hóa, thức ăn được tiêu hóa bằng hình thức nào sau đây?

- A. Tiêu hóa ngoại bào.
- B. Tiêu hóa nội bào.
- C. Tiêu hóa ngoại bào và tiêu hóa nội bào.**
- D. Một số tiêu hóa nội bào, còn lại tiêu hóa ngoại bào.

Câu 15 (B): Nhóm động vật nào sau đây có túi tiêu hóa?

- A. Ruột khoang và giun dẹp.**
- B. Chim và thú.
- C. Trùng giày và giun dẹp.
- D. Ruột khoang và trùng amip.

Câu 16 (H): Ở người, trật tự nào sau đây đúng với các bộ phận cấu nh ống tiêu hóa?

- A. Miệng → ruột non → dạ dày → hậu → ruột già → hậu môn.
- B. Miệng → thực quản → dạ dày → ruột non → ruột già → hậu môn.**
- C. Miệng → ruột non → thực quản → dạ dày → ruột già → hậu môn.
- D. Miệng → dạ dày → ruột non → thực quản → ruột già → hậu môn.

Câu 17 (B): Động vật nào sau đây có quá trình trao đổi khí giữa cơ thể với môi trường diễn ra ở mang?

- A. Mèo rừng.
- B. Tôm sông.**
- C. Chim sâu.
- D. Éch đồng.

Câu 18 (B): Máu vận chuyển trong hệ tuần hoàn kín theo thứ tự nào sau đây?

- A. Tim → động mạch → mao mạch → tĩnh mạch → tim.**
- B. Tim → tĩnh mạch → động mạch → mao mạch → tim.
- C. Tim → mao mạch → động mạch → tĩnh mạch → tim.
- D. Tim → động mạch → tĩnh mạch → mao mạch → tim.

Câu 19 (B): Thủy tức trao đổi khí bằng hình thức nào sau đây?

- A. Qua bề mặt cơ thể.**
- B. Qua hệ thống ống khí.
- C. Qua mang.
- D. Qua phổi.

Câu 20 (B): Những động vật nào sau đây có hệ tuần hoàn hở?

- A. Ốc sên, trai sông, châu chấu.**
- B. Tôm, cua, mực ống.
- C. Châu chấu, giun đốt, trai sông.
- D. Tôm, ốc sên, giun đốt.

Câu 21 (VD): Khi nói về đặc điểm bề mặt trao đổi khí, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

- I. Diện tích bề mặt trao đổi khí lớn để tăng hiệu quả trao đổi khí.
- II. Bề mặt mỏng và ẩm ướt giúp cho O_2 và CO_2 dễ dàng khuếch tán qua.
- III. Bề mặt có nhiều mao mạch và máu chứa sắc tố hô hấp để vận chuyển khí.
- IV. Có sự lưu thông khí tạo chênh lệch về nồng độ O_2 và CO_2 .

A. 1. B. 2. C. 3. **D.** 4.

Câu 22 (B): Hệ dẫn truyền tim hoạt động theo thứ tự nào sau đây?

- A.** Nút xoang nhĩ → nút nhĩ thất → bó His → mạng Purkinje.
- B.** Nút xoang nhĩ → bó His → nút nhĩ thất → mạng Purkinje.
- C.** Nút xoang nhĩ → nút nhĩ thất → mạng Purkinje → bó His.
- D.** Nút xoang nhĩ → mạng Purkinje → nút nhĩ thất → bó His.

Câu 23 (H): Ở người trưởng thành bình thường, mỗi chu kì tim khoảng

- A.** 0,8 giây; trong đó tâm nhĩ co 0,1 giây, tâm thất co 0,3 giây, thời gian dẫn chung là 0,4 giây.
- B.** 0,8 giây; trong đó tâm nhĩ co 0,3 giây, tâm thất co 0,1 giây, thời gian dẫn chung là 0,4 giây.
- C.** 0,8 giây; trong đó tâm nhĩ co 0,1 giây, tâm thất co 0,4 giây, thời gian dẫn chung là 0,3 giây.
- D.** 0,8 giây; trong đó tâm nhĩ co 0,4 giây, tâm thất co 0,3 giây, thời gian dẫn chung là 0,1 giây.

Câu 24 (VD): Khi nói về huyết áp ở người, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

- I. Khi vận động mạnh huyết áp tăng cao.
- II. Khi mất nhiều máu huyết áp giảm.
- III. Khi nghỉ ngơi nếu huyết áp tâm trương thường xuyên cao hơn 90 mmHg, người đó có thể mắc bệnh cao huyết áp.
- IV. Khi hồi hộp, lo âu nhịp tim và huyết áp đều tăng cao.

A. 1. B. 2. C. 3. **D.** 4.

Câu 25 (B): Phân tử gây phản ứng đặc hiệu với kháng nguyên được gọi là gì?

- A.** Độc tố.
- B.** Chất cảm ứng.
- C.** Kháng thể.
- D.** Hormone.

Câu 26 (VD): Có bao nhiêu bệnh truyền nhiễm sau đây lây truyền qua đường tình dục?

- I. Bệnh giang mai.
- II. Bệnh lậu.
- III. Bệnh lao
- IV. Bệnh viêm gan B.
- V. Bệnh AIDS.
- VI. Bệnh SAR-CoV2.

A. 3. **B.** 4. C. 5. **D.** 6.

Câu 27 (B): Ở người, quá trình loại bỏ ra khỏi cơ thể các chất sinh ra từ quá trình chuyển hóa mà cơ thể không sử dụng, các chất độc hại, các chất dư thừa được gọi là

- A.** tiêu hóa.
- B.** tuần hoàn.
- C.** bài tiết.
- D.** hô hấp tế bào.

Câu 28 (B): Bộ phận nào sau đây là bộ phận thực hiện cân bằng nội môi?

- A.** Hệ thần kinh và tuyến nội tiết.
- B.** Các cơ quan như thận, gan, mạch máu.
- C.** Thụ thể hoặc cơ quan thụ cảm.
- D.** Cơ và tuyến.

II. PHẦN TỰ LUẬN (3 ĐIỂM)

Câu 29 (2,0 điểm): Giải thích được vì sao nguy cơ mắc bệnh ở người rất lớn, nhưng xác suất bị bệnh rất nhỏ?

- Nguy cơ mắc bệnh ở người rất lớn là do: Cơ thể người thường xuyên tiếp xúc với các tác nhân gây bệnh trong môi trường tự nhiên như virus, vi khuẩn, nấm, nguyên sinh vật,... thông qua vật nuôi, vật dụng, các bề mặt, môi trường ô nhiễm,... Ngoài ra, các yếu tố như rối loạn di truyền, chế độ dinh dưỡng, thói quen sinh hoạt, tiếp xúc với hóa chất độc hại, tia bức xạ,.. cũng là một trong các nguyên nhân gây bệnh ở người.

- Xác suất bị bệnh ở người lại rất nhỏ là do: Mặc dù có rất nhiều tác nhân bên ngoài gây bệnh cho con người, nhưng các tác nhân chỉ gây bệnh khi hội tụ đủ 3 yếu tố: có khả năng gây bệnh, con đường xâm nhiễm phù hợp và số lượng đủ lớn. Đặc biệt, cơ thể người có các cơ chế miễn dịch không đặc hiệu và đặc hiệu nên cơ thể có khả năng chống lại sự xâm nhiễm và gây bệnh của các tác nhân gây bệnh.

Câu 30 (1,0 điểm):

Tại sao nuôi tôm, cá thường cần có máy sục khí oxygen?

+ Nuôi tôm, cá thường cần có máy sục O_2 vì: Khi nuôi tôm, cá trong ao hồ sẽ dễ xảy ra tình trạng thiếu oxygen cung cấp cho hô hấp của tôm, cá do nồng độ oxygen tan trong nước thấp trong khi mật độ tôm, cá nhiều và diện tích ao hồ có hạn. Bởi vậy, nuôi tôm, cá thường sử dụng máy sục O_2 có tác dụng hòa tan O_2 vào dòng nước, giúp tôm, cá hô hấp tốt, nhờ đó, sinh trưởng khỏe mạnh.

HẾT

Họ tên học sinh:SBD:

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7 ĐIỂM)

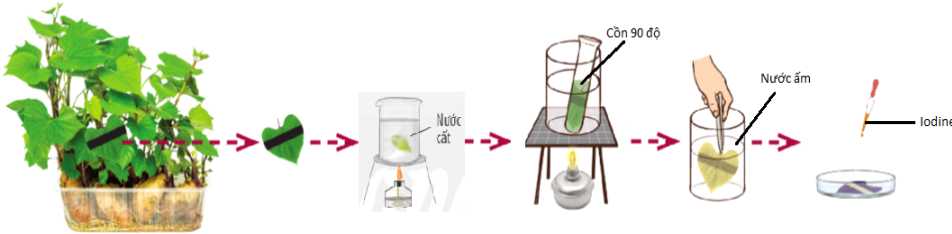
Câu 1. Ở người, trật tự nào sau đây đúng với các bộ phận cấu nh ống tiêu hóa?

- A. Miệng → ruột non → dạ dày → hậu → ruột già → hậu môn.
- B. Miệng → dạ dày → ruột non → thực quản → ruột già → hậu môn.
- C. Miệng → ruột non → thực quản → dạ dày → ruột già → hậu môn.
- D. Miệng → thực quản → dạ dày → ruột non → ruột già → hậu môn.

Câu 2. Rễ cây trên cạn hấp thụ nước và muối khoáng chủ yếu qua

- A. miền sinh trưởng. B. miền lông hút. C. miền chóp rễ. D. miền trưởng thành.

Câu 3. Cho các bước tiến hành thí nghiệm được mô tả trong hình vẽ dưới đây:



Thí nghiệm trên nhằm chứng minh vấn đề gì sau đây?

- A. Sự tạo thành diệp lục trong quá trình quang hợp ở cây xanh
- B. Sự tạo thành khí oxygen trong quá trình quang hợp ở cây xanh.
- C. Sự tạo thành tinh bột trong quá trình quang hợp ở cây xanh.
- D. Sự tạo thành chất khoáng trong quá trình quang hợp ở cây xanh.

Câu 4. Khi tế bào khí khổng trương nước thì

- A. thành mỏng dẫn nhanh hơn thành dày làm cho khí khổng đóng lại.
- B. thành mỏng dẫn nhanh hơn thành dày làm cho khí khổng mở ra.
- C. thành dày dẫn nhanh hơn thành mỏng làm cho khí khổng mở ra.
- D. thành dày dẫn nhanh hơn thành mỏng làm cho khí khổng đóng lại.

Câu 5. Khi nói về huyết áp ở người, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

I. Khi vận động mạnh huyết áp tăng cao.

II. Khi mất nhiều máu huyết áp giảm.

III. Khi nghỉ ngơi nếu huyết áp tâm trương thường xuyên cao hơn 90 mmHg, người đó có thể mắc bệnh cao huyết áp.

IV. Khi hồi hộp, lo âu nhịp tim và huyết áp đều tăng cao.

- A. 3 B. 2 C. 4 D. 1

Câu 6. Phân tử gây phản ứng đặc hiệu với kháng nguyên được gọi là gì?

- A. Chất cảm ứng. B. Hormone. C. Kháng thể. D. Độc tố.

Câu 7. Ở người, quá trình loại bỏ ra khỏi cơ thể các chất sinh ra từ quá trình chuyển hóa mà cơ thể không sử dụng, các chất độc hại, các chất dư thừa được gọi là

- A. tiêu hóa. B. hô hấp tế bào. C. tuần hoàn. D. bài tiết.

Câu 8. Khi nói về dòng mạch rây, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

I. Trong mạch rây, các chất vận chuyển chỉ di chuyển theo một hướng, từ lá xuống rễ.

II. Các tế bào ống rây xếp chồng lên nhau theo chiều thẳng đứng và thông với nhau qua các lỗ ở hai đầu của tế bào.

III. Thành phần chủ yếu của dịch mạch rây là nước, chất khoáng và một số chất tan khác.

IV. Mạch rây có thể nhận nước từ mạch gỗ chuyển sang, đảm bảo cho quá trình vận chuyển

chất tan diễn ra thuận lợi.

- A. 1. B. 3. C. 2. D. 4.

Câu 9. Khi nói về đặc điểm bề mặt trao đổi khí, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

- I. Diện tích bề mặt trao đổi khí lớn để tăng hiệu quả trao đổi khí.
- II. Bề mặt mỏng và ẩm ướt giúp cho O_2 và CO_2 dễ dàng khuếch tán qua.
- III. Bề mặt có nhiều mao mạch và máu chứa sắc tố hô hấp để vận chuyển khí.
- IV. Có sự lưu thông khí tạo chênh lệch về nồng độ O_2 và CO_2 .

- A. 1 B. 3 C. 4 D. 2

Câu 10. Rễ cây trên cạn hấp thụ khoáng từ đất theo cơ chế nào?

- A. Cơ chế thụ động và chủ động.
- B. Cơ chế chủ động và thẩm thấu.
- C. Cơ chế thụ động và thẩm tách.
- D. Cơ chế thẩm thấu và thẩm tách.

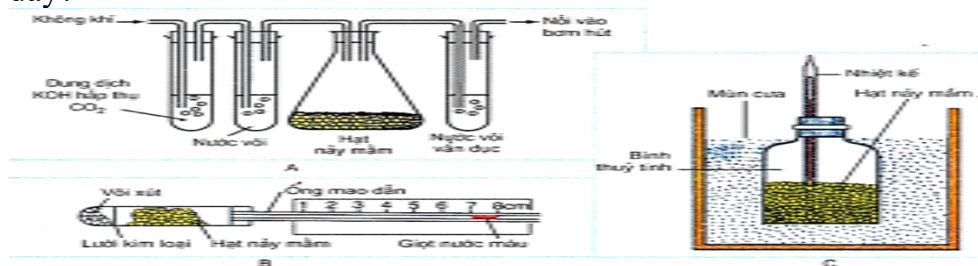
Câu 11. Nhóm động vật nào sau đây có túi tiêu hóa?

- A. Trùng giày và giun dẹp.
- B. Ruột khoang và giun dẹp.
- C. Chim và thú.
- D. Ruột khoang và trùng amip.

Câu 12. Động vật nào sau đây có quá trình trao đổi khí giữa cơ thể với môi trường diễn ra ở mang?

- A.Ếch đồng. B. Mèo rừng. C. Tôm sông. D. Chim sâu.

Câu 13. Để phát hiện hô hấp ở thực vật, người ta đã bố trí ba thí nghiệm theo các hình A, B, C tương ứng. Có bao nhiêu phát biểu sau đây sai về các thí nghiệm quá trình hô hấp ở thực vật sau đây?



I. Thí nghiệm A nhằm phát hiện sự hút O_2 , thí nghiệm B dùng để phát hiện sự thải CO_2 , thí nghiệm C để chứng minh có sự gia tăng nhiệt độ trong quá trình hô hấp.

II. Trong thí nghiệm A, dung dịch KOH sẽ hấp thụ CO_2 từ quá trình hô hấp của hạt.

III. Trong thí nghiệm A, cả hai dung dịch nước vôi ở hai bên lọ chứa hạt nảy mầm đều bị vẩn đục.

IV. Trong thí nghiệm B, vôi xút có vai trò hấp thụ CO_2 và giọt nước màu sẽ bị đẩy xa hạt nảy mầm.

- A. 1 B. 4 C. 3 D. 2.

Câu 14. Chất mang năng lượng tạo ra trong hô hấp ở thực vật cung cấp cho các hoạt động sống chủ yếu là

- A. pyruvate. B. H_2O . C. ATP. D. CO_2 .

Câu 15. Ở động vật có túi tiêu hóa, thức ăn được tiêu hóa bằng hình thức nào sau đây?

- A. Tiêu hóa nội bào.
- B. Tiêu hóa ngoại bào và tiêu hóa nội bào.
- C. Tiêu hóa ngoại bào
- D. Một số tiêu hóa nội bào, còn lại tiêu hóa ngoại bào.

Câu 16. Bộ phận nào sau đây là bộ phận thực hiện cân bằng nội môi?

- A. Hệ thần kinh và tuyến nội tuyến.
- B. Thụ thể hoặc cơ quan thụ cảm.
- C. Cơ và tuyến.
- D. Các cơ quan như thận, gan, mạch máu.

Câu 17. Những động vật nào sau đây có hệ tuần hoàn hở?

- A. Tôm, ốc sên, giun đốt.
- B. Châu chấu, giun đốt, trai sông.
- C. Ốc sên, trai sông, châu chấu.
- D. Tôm, cua, mực ống.

Câu 18. Thực vật hấp thụ nitrogen chủ yếu ở dạng nào sau đây?

- A. NO_3^- và NH_4^+ . B. NH_3 và NH_4^+ . C. NO_2^- và NH_3 . D. NO_3^- và NH_3 .

Câu 19. Ở người trưởng thành bình thường, mỗi chu kì tim khoảng

A. 0,8 giây; trong đó tâm nhĩ co 0,1 giây, tâm thất co 0,4 giây, thời gian dẫn chung là 0,3 giây.

B. 0,8 giây; trong đó tâm nhĩ co 0,3 giây, tâm thất co 0,1 giây, thời gian dẫn chung là 0,4 giây.

C. 0,8 giây; trong đó tâm nhĩ co 0,4 giây, tâm thất co 0,3 giây, thời gian dẫn chung là 0,1 giây.

D. 0,8 giây; trong đó tâm nhĩ co 0,1 giây, tâm thất co 0,3 giây, thời gian dẫn chung là 0,4 giây.

Câu 20. Máu vận chuyển trong hệ tuần hoàn kín theo thứ tự nào sau đây?

A. Tim → động mạch → mao mạch → tĩnh mạch → tim.

B. Tim → tĩnh mạch → động mạch → mao mạch → tim.

C. Tim → mao mạch → động mạch → tĩnh mạch → tim.

D. Tim → động mạch → tĩnh mạch → mao mạch → tim.

Câu 21. Nước chiếm khoảng bao nhiêu phần trăm khối lượng tươi của thực vật?

A. 70-90%.

B. 10-20%.

C. 50-70%.

D. 30-50%.

Câu 22. Sắc tố quang hợp nào sau đây có chức năng chuyển hóa quang năng thành hóa năng trong các phân tử ATP và NADPH?

A. carotene.

B. xanthophyl.

C. diệp lục a.

D. diệp lục b.

Câu 23. Có bao nhiêu bệnh truyền nhiễm sau đây lây truyền qua đường tình dục?

I. Bệnh giang mai.

II. Bệnh lậu.

III. Bệnh lao

IV. Bệnh viêm gan B.

V. Bệnh AIDS.

VI. Bệnh SAR-CoV2.

A. 5

B. 4

C. 6

D. 3

Câu 24. Nơi diễn ra sự hô hấp mạnh nhất ở thực vật là

A. quả

B. lá.

C. thân.

D. rễ.

Câu 25. Thủy tức trao đổi khí bằng hình thức nào sau đây?

A. Qua bề mặt cơ thể.

B. Qua mang.

C. Qua hệ thống ống khí.

D. Qua phổi.

Câu 26. Hệ dẫn truyền tim hoạt động theo thứ tự nào sau đây?

A. Nút xoang nhĩ → mạng Purkinje → nút nhĩ thất → bó His.

B. Nút xoang nhĩ → nút nhĩ thất → mạng Purkinje → bó His.

C. Nút xoang nhĩ → bó His → nút nhĩ thất → mạng Purkinje.

D. Nút xoang nhĩ → nút nhĩ thất → bó His → mạng Purkinje.

Câu 27. Sản phẩm của pha sáng không sử dụng cho pha tối trong quang hợp là

A. CO₂.

B. NADPH.

C. O₂.

D. ATP.

Câu 28. Khi nói về các phương pháp được sử dụng để nâng cao năng suất cây trồng, có bao nhiêu phương pháp sau đây đúng?

I. Bón phân và tưới tiêu hợp lý.

II. Tăng tổng diện tích lá cây trồng.

III. Gieo trồng đúng thời vụ.

IV. Tạo giống có cường độ quang hợp cao.

A. 3

B. 2

C. 1

D. 4

II. PHẦN TỰ LUẬN (3 ĐIỂM)

Câu 29 (2,0 điểm): Giải thích được vì sao nguy cơ mắc bệnh ở người rất lớn, nhưng xác suất bị bệnh rất nhỏ?

Câu 30 (1,0 điểm): Tại sao nuôi tôm, cá thường cần có máy sục khí oxygen?

HẾT

Họ tên học sinh:SBD:

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7 ĐIỂM)

Câu 1. Chất mang năng lượng tạo ra trong hô hấp ở thực vật cung cấp cho các hoạt động sống chủ yếu là

- A. ATP. B. H₂O. C. CO₂. D. pyruvate.

Câu 2. Nơi diễn ra sự hô hấp mạnh nhất ở thực vật là

- A. thân. B. quả C. rễ. D. lá.

Câu 3. Sản phẩm của pha sáng không sử dụng cho pha tối trong quang hợp là

- A. ATP. B. NADPH. C. CO₂. D. O₂.

Câu 4. Nước chiếm khoảng bao nhiêu phần trăm khối lượng tươi của thực vật?

- A. 10-20%. B. 50-70%. C. 70-90%. D. 30-50%.

Câu 5. Nhóm động vật nào sau đây có túi tiêu hóa?

- A. Ruột khoang và trùng amip. B. Trùng giày và giun dẹp.
C. Chim và thú. D. Ruột khoang và giun dẹp.

Câu 6. Khi tế bào khí khổng trương nước thì

- A. thành mỏng dẫn nhanh hơn thành dày làm cho khí khổng mở ra.
B. thành dày dẫn nhanh hơn thành mỏng làm cho khí khổng đóng lại.
C. thành dày dẫn nhanh hơn thành mỏng làm cho khí khổng mở ra.
D. thành mỏng dẫn nhanh hơn thành dày làm cho khí khổng đóng lại.

Câu 7. Phân tử gây phản ứng đặc hiệu với kháng nguyên được gọi là gì?

- A. Chất cảm ứng. B. Kháng thể. C. Hormone. D. Độc tố.

Câu 8. Ở người trưởng thành bình thường, mỗi chu kì tim khoảng

- A. 0,8 giây; trong đó tâm nhĩ co 0,3 giây, tâm thất co 0,1 giây, thời gian dẫn chung là 0,4 giây.
B. 0,8 giây; trong đó tâm nhĩ co 0,4 giây, tâm thất co 0,3 giây, thời gian dẫn chung là 0,1 giây.
C. 0,8 giây; trong đó tâm nhĩ co 0,1 giây, tâm thất co 0,3 giây, thời gian dẫn chung là 0,4 giây.
D. 0,8 giây; trong đó tâm nhĩ co 0,1 giây, tâm thất co 0,4 giây, thời gian dẫn chung là 0,3 giây.

Câu 9. Thực vật hấp thụ nitrogen chủ yếu ở dạng nào sau đây?

- A. NO₂⁻ và NH₃. B. NH₃ và NH₄⁺. C. NO₃⁻ và NH₃. D. NO₃⁻ và NH₄⁺.

Câu 10. Khi nói về đặc điểm bề mặt trao đổi khí, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

- I. Diện tích bề mặt trao đổi khí lớn để tăng hiệu quả trao đổi khí.
II. Bề mặt mỏng và ẩm ướt giúp cho O₂ và CO₂ dễ dàng khuếch tán qua.
III. Bề mặt có nhiều mao mạch và máu chứa sắc tố hô hấp để vận chuyển khí.
IV. Có sự lưu thông khí tạo chênh lệch về nồng độ O₂ và CO₂.
A. 4 B. 2 C. 1 D. 3

Câu 11. Khi nói về huyết áp ở người, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

- I. Khi vận động mạnh huyết áp tăng cao.
II. Khi mất nhiều máu huyết áp giảm.
III. Khi nghỉ ngơi nếu huyết áp tâm trương thường xuyên cao hơn 90 mmHg, người đó có thể mắc bệnh cao huyết áp.
IV. Khi hồi hộp, lo âu nhịp tim và huyết áp đều tăng cao.

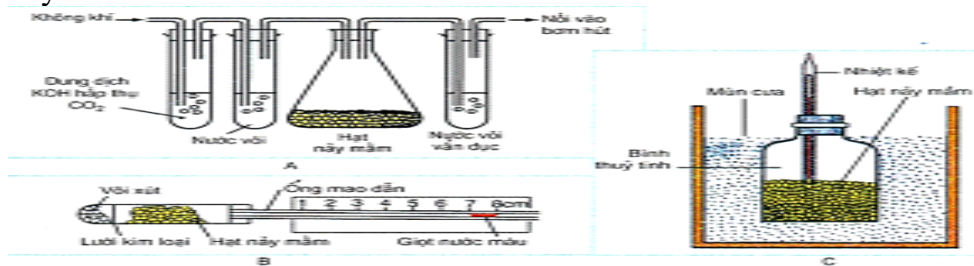
A. 3

B. 4

C. 2

D. 1

Câu 12. Để phát hiện hô hấp ở thực vật, người ta đã bố trí ba thí nghiệm theo các hình A, B, C tương ứng. Có bao nhiêu phát biểu sau đây **sai** về các thí nghiệm quá trình hô hấp ở thực vật sau đây?



I. Thí nghiệm A nhằm phát hiện sự hút O_2 , thí nghiệm B dùng để phát hiện sự thải CO_2 , thí nghiệm C để chứng minh có sự gia tăng nhiệt độ trong quá trình hô hấp.

II. Trong thí nghiệm A, dung dịch KOH sẽ hấp thụ CO_2 từ quá trình hô hấp của hạt.

III. Trong thí nghiệm A, cả hai dung dịch nước vôi ở hai bên lọ chứa hạt nảy mầm đều bị vẩn đục.

IV. Trong thí nghiệm B, vôi xút có vai trò hấp thụ CO_2 và giọt nước màu sẽ bị đẩy xa hạt nảy mầm.

A. 1

B. 2.

C. 4

D. 3

Câu 13. Những động vật nào sau đây có hệ tuần hoàn hở?

A. Tôm, ốc sên, giun đốt.

B. Tôm, cua, mực ống.

C. Châu chấu, giun đốt, trai sông.

D. Ốc sên, trai sông, châu chấu.

Câu 14. Khi nói về dòng mạch rây, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

I. Trong mạch rây, các chất vận chuyển chỉ di chuyển theo một hướng, từ lá xuống rễ.

II. Các tế bào ống rây xếp chồng lên nhau theo chiều thẳng đứng và thông với nhau qua các lỗ ở hai đầu của tế bào.

III. Thành phần chủ yếu của dịch mạch rây là nước, chất khoáng và một số chất tan khác.

IV. Mạch rây có thể nhận nước từ mạch gỗ chuyển sang, đảm bảo cho quá trình vận chuyển chất tan diễn ra thuận lợi.

A. 2.

B. 3.

C. 4.

D. 1.

Câu 15. Bộ phận nào sau đây là bộ phận thực hiện cân bằng nội môi?

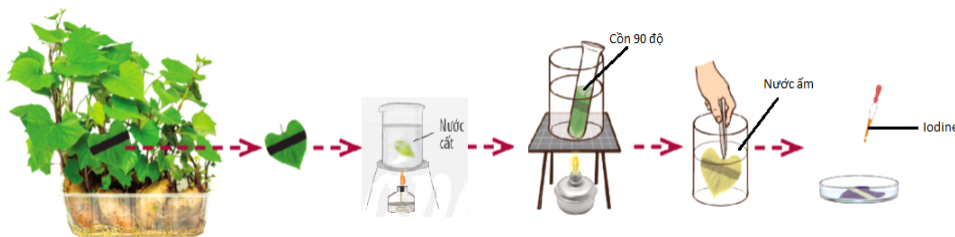
A. Cơ và tuyến.

B. Các cơ quan như thận, gan, mạch máu.

C. Thụ thể hoặc cơ quan thụ cảm.

D. Hệ thần kinh và tuyến nội tiết.

Câu 16. Cho các bước tiến hành thí nghiệm được mô tả trong hình vẽ dưới đây:



Thí nghiệm trên nhằm chứng minh vấn đề gì sau đây?

A. Sự tạo thành diệp lục trong quá trình quang hợp ở cây xanh

B. Sự tạo thành tinh bột trong quá trình quang hợp ở cây xanh.

C. Sự tạo thành khí oxygen trong quá trình quang hợp ở cây xanh.

D. Sự tạo thành chất khoáng trong quá trình quang hợp ở cây xanh.

Câu 17. Hệ dẫn truyền tim hoạt động theo thứ tự nào sau đây?

A. Nút xoang nhĩ → nút nhĩ thất → bó His → mạng Purkinje.

B. Nút xoang nhĩ → bó His → nút nhĩ thất → mạng Purkinje.

C. Nút xoang nhĩ → mạng Purkinje → nút nhĩ thất → bó His.

D. Nút xoang nhĩ → nút nhĩ thất → mạng Purkinje → bó His.

Câu 18. Thủy tức trao đổi khí bằng hình thức nào sau đây?

A. Qua hệ thống ống khí. B. Qua bề mặt cơ thể. C. Qua mang. D. Qua phổi.

Câu 19. Sắc tố quang hợp nào sau đây có chức năng chuyển hóa quang năng thành hóa năng trong các phân tử ATP và NADPH?

A. carotene. B. diệp lục b. C. xanthophyl. D. diệp lục a.

Câu 20. Ở động vật có túi tiêu hóa, thức ăn được tiêu hóa bằng hình thức nào sau đây?

A. Một số tiêu hóa nội bào, còn lại tiêu hóa ngoại bào.

B. Tiêu hóa ngoại bào và tiêu hóa nội bào.

C. Tiêu hóa ngoại bào

D. Tiêu hóa nội bào.

Câu 21. Rễ cây trên cạn hấp thụ khoáng từ đất theo cơ chế nào?

A. Cơ chế thẩm thấu và thẩm tách.

B. Cơ chế thụ động và thẩm tách.

C. Cơ chế chủ động và thẩm thấu.

D. Cơ chế thụ động và chủ động.

Câu 22. Máu vận chuyển trong hệ tuần hoàn kín theo thứ tự nào sau đây?

A. Tim → động mạch → tĩnh mạch → mao mạch → tim.

B. Tim → mao mạch → động mạch → tĩnh mạch → tim.

C. Tim → tĩnh mạch → động mạch → mao mạch → tim.

D. Tim → động mạch → mao mạch → tĩnh mạch → tim.

Câu 23. Ở người, quá trình loại bỏ ra khỏi cơ thể các chất sinh ra từ quá trình chuyển hóa mà cơ thể không sử dụng, các chất độc hại, các chất dư thừa được gọi là

A. bài tiết.

B. tuần hoàn.

C. hô hấp tế bào.

D. tiêu hóa.

Câu 24. Có bao nhiêu bệnh truyền nhiễm sau đây lây truyền qua đường tình dục?

I. Bệnh giang mai.

II. Bệnh lậu.

III. Bệnh lao

IV. Bệnh viêm gan B.

V. Bệnh AIDS.

VI. Bệnh SAR-CoV2.

A. 6

B. 3

C. 4

D. 5

Câu 25. Động vật nào sau đây có quá trình trao đổi khí giữa cơ thể với môi trường diễn ra ở mang?

A. Tôm sông.

B. Chim sâu.

C. Éch đồng.

D. Mèo rừng.

Câu 26. Ở người, trật tự nào sau đây đúng với các bộ phận cấu nh ống tiêu hóa?

A. Miệng → ruột non → dạ dày → hậu → ruột già → hậu môn.

B. Miệng → thực quản → dạ dày → ruột non → ruột già → hậu môn.

C. Miệng → ruột non → thực quản → dạ dày → ruột già → hậu môn.

D. Miệng → dạ dày → ruột non → thực quản → ruột già → hậu môn.

Câu 27. Rễ cây trên cạn hấp thụ nước và muối khoáng chủ yếu qua

A. miền chóp rễ.

B. miền trưởng thành.

C. miền sinh trưởng.

D. miền lông hút.

Câu 28. Khi nói về các phương pháp được sử dụng để nâng cao năng suất cây trồng, có bao nhiêu phương pháp sau đây đúng?

I. Bón phân và tưới tiêu hợp lý.

II. Tăng tổng diện tích lá cây trồng.

III. Gieo trồng đúng thời vụ.

IV. Tạo giống có cường độ quang hợp cao.

A. 1

B. 2

C. 4

D. 3

II. PHẦN TỰ LUẬN (3 ĐIỂM)

Câu 29 (2,0 điểm): Giải thích được vì sao nguy cơ mắc bệnh ở người rất lớn, nhưng xác suất bị bệnh rất nhỏ?

Câu 30 (1,0 điểm): Tại sao nuôi tôm, cá thường cần có máy sục khí oxygen?

HẾT

ĐỀ 220 (Đề có 3 trang)

Họ tên học sinh:SBD:

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7 ĐIỂM)

Câu 1. Những động vật nào sau đây có hệ tuần hoàn hở?

- A. Châu chấu, giun đốt, trai sông.
- B. Tôm, cua, mực ống.
- C. Tôm, ốc sên, giun đốt.
- D. Ốc sên, trai sông, châu chấu.

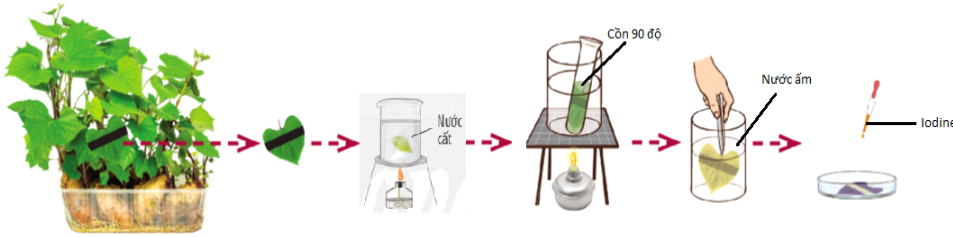
Câu 2. Rễ cây trên cạn hấp thụ khoáng từ đất theo cơ chế nào?

- A. Cơ chế thụ động và thẩm tách.
- B. Cơ chế chủ động và thẩm thấu.
- C. Cơ chế thụ động và chủ động.
- D. Cơ chế thẩm thấu và thẩm tách.

Câu 3. Nhóm động vật nào sau đây có túi tiêu hóa?

- A. Trùng giày và giun dẹp.
- B. Chim và thú.
- C. Ruột khoang và trùng amip.
- D. Ruột khoang và giun dẹp.

Câu 4. Cho các bước tiến hành thí nghiệm được mô tả trong hình vẽ dưới đây:



Thí nghiệm trên nhằm chứng minh vấn đề gì sau đây?

- A. Sự tạo thành diệp lục trong quá trình quang hợp ở cây xanh
- B. Sự tạo thành chất khoáng trong quá trình quang hợp ở cây xanh.
- C. Sự tạo thành khí oxygen trong quá trình quang hợp ở cây xanh.
- D. Sự tạo thành tinh bột trong quá trình quang hợp ở cây xanh.

Câu 5. Hệ dẫn truyền tim hoạt động theo thứ tự nào sau đây?

- A. Nút xoang nhĩ → mạng Purkinje → nút nhĩ thất → bó His.
- B. Nút xoang nhĩ → nút nhĩ thất → bó His → mạng Purkinje.
- C. Nút xoang nhĩ → nút nhĩ thất → mạng Purkinje → bó His.
- D. Nút xoang nhĩ → bó His → nút nhĩ thất → mạng Purkinje.

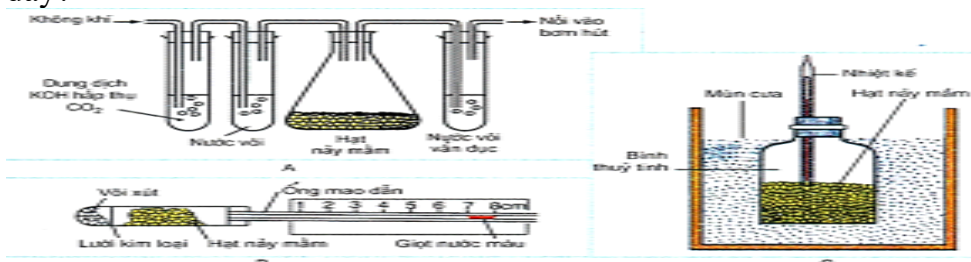
Câu 6. Khi tế bào khí khổng trương nước thì

- A. thành dày dẫn nhanh hơn thành mỏng làm cho khí khổng mở ra.
- B. thành dày dẫn nhanh hơn thành mỏng làm cho khí khổng đóng lại.
- C. thành mỏng dẫn nhanh hơn thành dày làm cho khí khổng mở ra.
- D. thành mỏng dẫn nhanh hơn thành dày làm cho khí khổng đóng lại.

Câu 7. Thực vật hấp thụ nitrogen chủ yếu ở dạng nào sau đây?

- A. NO_2^- và NH_3 .
- B. NH_3 và NH_4^+ .
- C. NO_3^- và NH_3 .
- D. NO_3^- và NH_4^+ .

Câu 8. Để phát hiện hô hấp ở thực vật, người ta đã bố trí ba thí nghiệm theo các hình A, B, C tương ứng. Có bao nhiêu phát biểu sau đây **sai** về các thí nghiệm quá trình hô hấp ở thực vật sau đây?



I. Thí nghiệm A nhằm phát hiện sự hút O_2 , thí nghiệm B dùng để phát hiện sự thải CO_2 , thí nghiệm C để chứng minh có sự gia tăng nhiệt độ trong quá trình hô hấp.

II. Trong thí nghiệm A, dung dịch KOH sẽ hấp thu CO_2 từ quá trình hô hấp của hạt.

III. Trong thí nghiệm A, cả hai dung dịch nước vôi ở hai bên lọ chứa hạt nảy mầm đều bị vẩn đục.

IV. Trong thí nghiệm B, vôi xút có vai trò hấp thu CO_2 và giọt nước màu sẽ bị đẩy xa hạt nảy mầm.

A. 2. B. 1 C. 3 D. 4

Câu 9. Chất mang năng lượng tạo ra trong hô hấp ở thực vật cung cấp cho các hoạt động sống chủ yếu là

A. H_2O . B. CO_2 . C. pyruvate. D. ATP.

Câu 10. Khi nói về đặc điểm bề mặt trao đổi khí, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

I. Diện tích bề mặt trao đổi khí lớn để tăng hiệu quả trao đổi khí.

II. Bề mặt mỏng và ẩm ướt giúp cho O_2 và CO_2 dễ dàng khuếch tán qua.

III. Bề mặt có nhiều mao mạch và máu chứa sắc tố hô hấp để vận chuyển khí.

IV. Có sự lưu thông khí tạo chênh lệch về nồng độ O_2 và CO_2 .

A. 3 B. 1 C. 2 D. 4

Câu 11. Ở người, trật tự nào sau đây đúng với các bộ phận cấu nh ống tiêu hóa?

A. Miệng → ruột non → dạ dày → hậu → ruột già → hậu môn.

B. Miệng → dạ dày → ruột non → thực quản → ruột già → hậu môn.

C. Miệng → thực quản → dạ dày → ruột non → ruột già → hậu môn.

D. Miệng → ruột non → thực quản → dạ dày → ruột già → hậu môn.

Câu 12. Ở người trưởng thành bình thường, mỗi chu kì tim khoảng

A. 0,8 giây; trong đó tâm nhĩ co 0,3 giây, tâm thất co 0,1 giây, thời gian dẫn chung là 0,4 giây.

B. 0,8 giây; trong đó tâm nhĩ co 0,1 giây, tâm thất co 0,4 giây, thời gian dẫn chung là 0,3 giây.

C. 0,8 giây; trong đó tâm nhĩ co 0,4 giây, tâm thất co 0,3 giây, thời gian dẫn chung là 0,1 giây.

D. 0,8 giây; trong đó tâm nhĩ co 0,1 giây, tâm thất co 0,3 giây, thời gian dẫn chung là 0,4 giây.

Câu 13. Phân tử gây phản ứng đặc hiệu với kháng nguyên được gọi là gì?

A. Kháng thể.

B. Hormone.

C. Độc tố.

D. Chất cảm ứng.

Câu 14. Nước chiếm khoảng bao nhiêu phần trăm khối lượng tươi của thực vật?

A. 70-90%.

B. 30-50%.

C. 10-20%.

D. 50-70%.

Câu 15. Máu vận chuyển trong hệ tuần hoàn kín theo thứ tự nào sau đây?

A. Tim → động mạch → tĩnh mạch → mao mạch → tim.

B. Tim → mao mạch → động mạch → tĩnh mạch → tim.

C. Tim → tĩnh mạch → động mạch → mao mạch → tim.

D. Tim → động mạch → mao mạch → tĩnh mạch → tim.

Câu 16. Có bao nhiêu bệnh truyền nhiễm sau đây lây truyền qua đường tình dục?

I. Bệnh giang mai.

II. Bệnh lậu.

III. Bệnh lao

IV. Bệnh viêm gan B.

V. Bệnh AIDS.

VI. Bệnh SAR-CoV2.

A. 3

B. 4

C. 6

D. 5

Câu 17. Khi nói về huyết áp ở người, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

I. Khi vận động mạnh huyết áp tăng cao.

II. Khi mất nhiều máu huyết áp giảm.

III. Khi nghỉ ngơi nếu huyết áp tâm trương thường xuyên cao hơn 90 mmHg, người đó có thể mắc bệnh cao huyết áp.

IV. Khi hồi hộp, lo âu nhịp tim và huyết áp đều tăng cao.

A. 3

B. 4

C. 2

D. 1

Câu 18. Động vật nào sau đây có quá trình trao đổi khí giữa cơ thể với môi trường diễn ra ở mang?

- A. Chim sâu. B. Tôm sông. C. Mèo rừng. D. Éch đồng.

Câu 19. Thủy tức trao đổi khí bằng hình thức nào sau đây?

- A. Qua hệ thống ống khí. B. Qua mang. C. Qua phổi. D. Qua bề mặt cơ thể.

Câu 20. Khi nói về các phương pháp được sử dụng để nâng cao năng suất cây trồng, có bao nhiêu phương pháp sau đây đúng?

- I. Bón phân và tưới tiêu hợp lý.
II. Tăng tổng diện tích lá cây trồng.
III. Gieo trồng đúng thời vụ.
IV. Tạo giống có cường độ quang hợp cao.

- A. 3 B. 1 C. 2 D. 4

Câu 21. Rễ cây trên cạn hấp thụ nước và muối khoáng chủ yếu qua

- A. miền lông hút. B. miền sinh trưởng. C. miền trưởng thành. D. miền chóp rễ.

Câu 22. Khi nói về dòng mạch rây, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

- I. Trong mạch rây, các chất vận chuyển chỉ di chuyển theo một hướng, từ lá xuống rễ.
II. Các tế bào ống rây xếp chồng lên nhau theo chiều thẳng đứng và thông với nhau qua các lỗ ở hai đầu của tế bào.
III. Thành phần chủ yếu của dịch mạch rây là nước, chất khoáng và một số chất tan khác.
IV. Mạch rây có thể nhận nước từ mạch gỗ chuyển sang, đảm bảo cho quá trình vận chuyển chất tan diễn ra thuận lợi.

- A. 4. B. 2. C. 3. D. 1.

Câu 23. Ở động vật có túi tiêu hóa, thức ăn được tiêu hóa bằng hình thức nào sau đây?

- A. Tiêu hóa nội bào.
B. Một số tiêu hóa nội bào, còn lại tiêu hóa ngoại bào.
C. Tiêu hóa ngoại bào và tiêu hóa nội bào.
D. Tiêu hóa ngoại bào

Câu 24. Ở người, quá trình loại bỏ ra khỏi cơ thể các chất sinh ra từ quá trình chuyển hóa mà cơ thể không sử dụng, các chất độc hại, các chất dư thừa được gọi là

- A. tiêu hóa. B. tuần hoàn. C. bài tiết. D. hô hấp tế bào.

Câu 25. Sắc tố quang hợp nào sau đây có chức năng chuyển hóa quang năng thành hóa năng trong các phân tử ATP và NADPH?

- A. diệp lục b. B. diệp lục a. C. xanthophyl. D. carotene.

Câu 26. Bộ phận nào sau đây là bộ phận thực hiện cân bằng nội môi?

- A. Các cơ quan như thận, gan, mạch máu. B. Hệ thần kinh và tuyến nội tuyến.
C. Thụ thể hoặc cơ quan thụ cảm. D. Cơ và tuyến.

Câu 27. Nơi diễn ra sự hô hấp mạnh nhất ở thực vật là

- A. thân. B. rễ. C. quả D. lá.

Câu 28. Sản phẩm của pha sáng không sử dụng cho pha tối trong quang hợp là

- A. O₂. B. CO₂. C. NADPH. D. ATP.

II. PHẦN TỰ LUẬN (3 ĐIỂM)

Câu 29 (2,0 điểm): Giải thích được vì sao nguy cơ mắc bệnh ở người rất lớn, nhưng xác suất bị bệnh rất nhỏ?

Câu 30 (1,0 điểm): Tại sao nuôi tôm, cá thường cần có máy sục khí oxygen?

HẾT

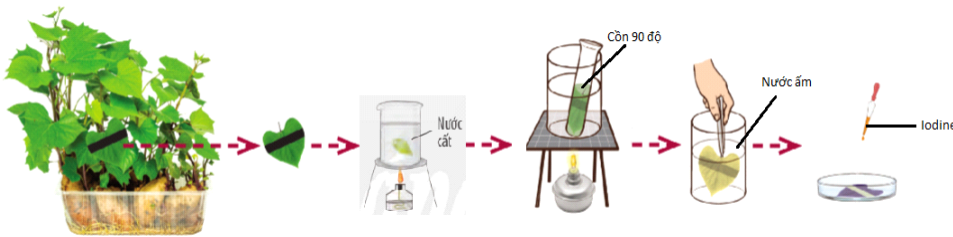
Họ tên học sinh:SBD:

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7 ĐIỂM)

Câu 1. Ở người, quá trình loại bỏ ra khỏi cơ thể các chất sinh ra từ quá trình chuyển hóa mà cơ thể không sử dụng, các chất độc hại, các chất dư thừa được gọi là

- A. hô hấp tế bào. B. tuần hoàn. C. tiêu hóa. D. bài tiết.

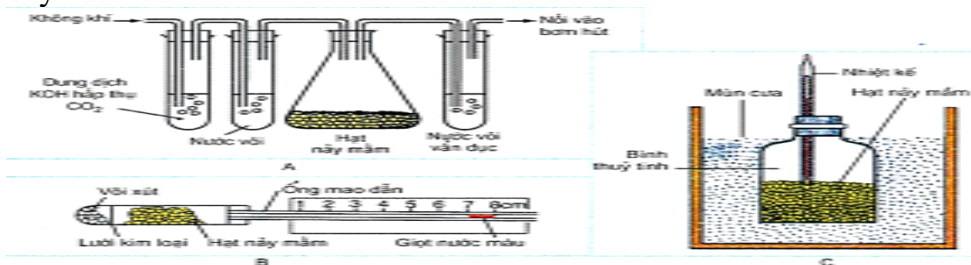
Câu 2. Cho các bước tiến hành thí nghiệm được mô tả trong hình vẽ dưới đây:



Thí nghiệm trên nhằm chứng minh vấn đề gì sau đây?

- A. Sự tạo thành chất khoáng trong quá trình quang hợp ở cây xanh.
B. Sự tạo thành tinh bột trong quá trình quang hợp ở cây xanh.
C. Sự tạo thành khí oxygen trong quá trình quang hợp ở cây xanh.
D. Sự tạo thành diệp lục trong quá trình quang hợp ở cây xanh

Câu 3. Để phát hiện hô hấp ở thực vật, người ta đã bố trí ba thí nghiệm theo các hình A, B, C tương ứng. Có bao nhiêu phát biểu sau đây **sai** về các thí nghiệm quá trình hô hấp ở thực vật sau đây?



I. Thí nghiệm A nhằm phát hiện sự hút O₂, thí nghiệm B dùng để phát hiện sự thải CO₂, thí nghiệm C để chứng minh có sự gia tăng nhiệt độ trong quá trình hô hấp.

II. Trong thí nghiệm A, dung dịch KOH sẽ hấp thụ CO₂ từ quá trình hô hấp của hạt.

III. Trong thí nghiệm A, cả hai dung dịch nước vôi ở hai bên lọ chứa hạt nảy mầm đều bị vẩn đục.

IV. Trong thí nghiệm B, vôi xút có vai trò hấp thụ CO₂ và giọt nước màu sẽ bị đẩy xa hạt nảy mầm.

- A. 3 B. 2. C. 4 D. 1

Câu 4. Nước chiếm khoảng bao nhiêu phần trăm khối lượng tươi của thực vật?

- A. 10-20%. B. 30-50%. C. 70-90%. D. 50-70%.

Câu 5. Động vật nào sau đây có quá trình trao đổi khí giữa cơ thể với môi trường diễn ra ở mang?

- A. Chim sâu. B.Ếch đồng. C. Tôm sông. D. Mèo rừng.

Câu 6. Máu vận chuyển trong hệ tuần hoàn kín theo thứ tự nào sau đây?

- A. Tim → động mạch → tĩnh mạch → mao mạch → tim.
B. Tim → động mạch → mao mạch → tĩnh mạch → tim.
C. Tim → mao mạch → động mạch → tĩnh mạch → tim.
D. Tim → tĩnh mạch → động mạch → mao mạch → tim.

Câu 7. Khi nói về huyết áp ở người, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

I. Khi vận động mạnh huyết áp tăng cao.

II. Khi mất nhiều máu huyết áp giảm.

III. Khi nghỉ ngơi nếu huyết áp tâm trương thường xuyên cao hơn 90 mmHg, người đó có thể mắc bệnh cao huyết áp.

IV. Khi hồi hộp, lo âu nhịp tim và huyết áp đều tăng cao.

A. 2 B. 3 C. 4 D. 1

Câu 8. Rễ cây trên cạn hấp thụ nước và muối khoáng chủ yếu qua

A. miền lông hút. B. miền sinh trưởng. C. miền trưởng thành. D. miền chóp rễ.

Câu 9. Ở người trưởng thành bình thường, mỗi chu kì tim khoảng

A. 0,8 giây; trong đó tâm nhĩ co 0,1 giây, tâm thất co 0,4 giây, thời gian dẫn chung là 0,3 giây.

B. 0,8 giây; trong đó tâm nhĩ co 0,4 giây, tâm thất co 0,3 giây, thời gian dẫn chung là 0,1 giây.

C. 0,8 giây; trong đó tâm nhĩ co 0,3 giây, tâm thất co 0,1 giây, thời gian dẫn chung là 0,4 giây.

D. 0,8 giây; trong đó tâm nhĩ co 0,1 giây, tâm thất co 0,3 giây, thời gian dẫn chung là 0,4 giây.

Câu 10. Phân tử gây phản ứng đặc hiệu với kháng nguyên được gọi là gì?

A. Chất cảm ứng. B. Độc tố. C. Hormone. D. Kháng thể.

Câu 11. Chất mang năng lượng tạo ra trong hô hấp ở thực vật cung cấp cho các hoạt động sống chủ yếu là

A. pyruvate. B. H₂O. C. CO₂. D. ATP.

Câu 12. Những động vật nào sau đây có hệ tuần hoàn hở?

A. Ốc sên, trai sông, châu chấu. B. Châu chấu, giun đốt, trai sông.

C. Tôm, ốc sên, giun đốt. D. Tôm, cua, mực ống.

Câu 13. Bộ phận nào sau đây là bộ phận thực hiện cân bằng nội môi?

A. Hệ thần kinh và tuyến nội tuyến.

B. Các cơ quan như thận, gan, mạch máu.

C. Thụ thể hoặc cơ quan thụ cảm.

D. Cơ và tuyến.

Câu 14. Thực vật hấp thụ nitrogen chủ yếu ở dạng nào sau đây?

A. NO₂⁻ và NH₃. B. NO₃⁻ và NH₄⁺. C. NH₃ và NH₄⁺. D. NO₃⁻ và NH₃.

Câu 15. Có bao nhiêu bệnh truyền nhiễm sau đây lây truyền qua đường tình dục?

I. Bệnh giang mai.

II. Bệnh lậu.

III. Bệnh lao

IV. Bệnh viêm gan B.

V. Bệnh AIDS.

VI. Bệnh SAR-CoV2.

A. 3 B. 4 C. 6 D. 5

Câu 16. Ở động vật có túi tiêu hóa, thức ăn được tiêu hóa bằng hình thức nào sau đây?

A. Tiêu hóa ngoại bào

B. Một số tiêu hóa nội bào, còn lại tiêu hóa ngoại bào.

C. Tiêu hóa ngoại bào và tiêu hóa nội bào.

D. Tiêu hóa nội bào.

Câu 17. Sản phẩm của pha sáng không sử dụng cho pha tối trong quang hợp là

A. NADPH.

B. ATP.

C. CO₂.

D. O₂.

Câu 18. Khi nói về đặc điểm bề mặt trao đổi khí, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

I. Diện tích bề mặt trao đổi khí lớn để tăng hiệu quả trao đổi khí.

II. Bề mặt mỏng và ẩm ướt giúp cho O₂ và CO₂ dễ dàng khuếch tán qua.

III. Bề mặt có nhiều mao mạch và máu chứa sắc tố hô hấp để vận chuyển khí.

IV. Có sự lưu thông khí tạo chênh lệch về nồng độ O₂ và CO₂.

A. 4 B. 1 C. 2 D. 3

Câu 19. Khi nói về các phương pháp được sử dụng để nâng cao năng suất cây trồng, có bao nhiêu phương pháp sau đây đúng?

I. Bón phân và tưới tiêu hợp lý.

II. Tăng tổng diện tích lá cây trồng.

III. Gieo trồng đúng thời vụ.

IV. Tạo giống có cường độ quang hợp cao.

A. 4

B. 3

C. 2

D. 1

Câu 20. Thủy tức trao đổi khí bằng hình thức nào sau đây?

A. Qua bề mặt cơ thể.

B. Qua mang.

C. Qua phổi.

D. Qua hệ thống ống

khí.

Câu 21. Sắc tố quang hợp nào sau đây có chức năng chuyển hóa quang năng thành hóa năng trong các phân tử ATP và NADPH?

A. carotene.

B. diệp lục a.

C. diệp lục b.

D. xanthophyl.

Câu 22. Rễ cây trên cạn hấp thụ khoáng từ đất theo cơ chế nào?

A. Cơ chế thụ động và thẩm tách.

B. Cơ chế thụ động và chủ động.

C. Cơ chế thẩm thấu và thẩm tách.

D. Cơ chế chủ động và thẩm thấu.

Câu 23. Hệ dẫn truyền tim hoạt động theo thứ tự nào sau đây?

A. Nút xoang nhĩ → nút nhĩ thất → bó His → mạng Purkinje.

B. Nút xoang nhĩ → bó His → nút nhĩ thất → mạng Purkinje.

C. Nút xoang nhĩ → mạng Purkinje → nút nhĩ thất → bó His.

D. Nút xoang nhĩ → nút nhĩ thất → mạng Purkinje → bó His.

Câu 24. Khi tế bào khí khổng trương nước thì

A. thành dày dẫn nhanh hơn thành mỏng làm cho khí khổng mở ra.

B. thành mỏng dẫn nhanh hơn thành dày làm cho khí khổng đóng lại.

C. thành dày dẫn nhanh hơn thành mỏng làm cho khí khổng đóng lại.

D. thành mỏng dẫn nhanh hơn thành dày làm cho khí khổng mở ra.

Câu 25. Khi nói về dòng mạch rây, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

I. Trong mạch rây, các chất vận chuyển chỉ di chuyển theo một hướng, từ lá xuống rễ.

II. Các tế bào ống rây xếp chồng lên nhau theo chiều thẳng đứng và thông với nhau qua các lỗ ở hai đầu của tế bào.

III. Thành phần chủ yếu của dịch mạch rây là nước, chất khoáng và một số chất tan khác.

IV. Mạch rây có thể nhận nước từ mạch gỗ chuyển sang, đảm bảo cho quá trình vận chuyển chất tan diễn ra thuận lợi.

A. 3.

B. 4.

C. 2.

D. 1.

Câu 26. Ở người, trật tự nào sau đây đúng với các bộ phận cấu nh ống tiêu hóa?

A. Miệng → ruột non → thực quản → dạ dày → ruột già → hậu môn.

B. Miệng → thực quản → dạ dày → ruột non → ruột già → hậu môn.

C. Miệng → dạ dày → ruột non → thực quản → ruột già → hậu môn.

D. Miệng → ruột non → dạ dày → hậu → ruột già → hậu môn.

Câu 27. Nơi diễn ra sự hô hấp mạnh nhất ở thực vật là

A. rễ.

B. quả

C. lá.

D. thân.

Câu 28. Nhóm động vật nào sau đây có túi tiêu hóa?

A. Ruột khoang và trùng amip.

B. Chim và thú.

C. Ruột khoang và giun dẹp.

D. Trùng giày và giun dẹp.

II. PHẦN TỰ LUẬN (3 ĐIỂM)

Câu 29 (2,0 điểm): Giải thích được vì sao nguy cơ mắc bệnh ở người rất lớn, nhưng xác suất bị bệnh rất nhỏ?

Câu 30 (1,0 điểm): Tại sao nuôi tôm, cá thường cần có máy sục khí oxygen?

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I
MÔN SINH HỌC 11 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

PHẦN TRẮC NGHIỆM (7 điểm)

ĐỀ 152

Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án
1	D	8	C	15	B	22	C
2	B	9	C	16	D	23	B
3	C	10	A	17	C	24	D
4	B	11	B	18	A	25	A
5	C	12	C	19	D	26	D
6	C	13	B	20	A	27	C
7	D	14	C	21	A	28	D

ĐỀ 186

Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án
1	A	8	C	15	B	22	D
2	C	9	D	16	B	23	A
3	D	10	A	17	A	24	C
4	C	11	B	18	B	25	A
5	D	12	C	19	D	26	B
6	A	13	D	20	B	27	D
7	B	14	A	21	D	28	C

ĐỀ 220

Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án
1	D	8	D	15	D	22	B
2	C	9	D	16	B	23	C
3	D	10	D	17	B	24	C
4	D	11	C	18	B	25	B
5	B	12	D	19	D	26	A
6	C	13	A	20	D	27	B
7	D	14	A	21	A	28	A

ĐỀ 254

Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án
1	D	8	A	15	B	22	B
2	B	9	D	16	C	23	A
3	C	10	D	17	D	24	D
4	C	11	D	18	A	25	C
5	C	12	A	19	A	26	B
6	B	13	B	20	A	27	A
7	C	14	B	21	B	28	C

PHẦN TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
Câu 29 (2,0 điểm)	<p>Câu 29 (2,0 điểm): Giải thích được vì sao nguy cơ mắc bệnh ở người rất lớn, nhưng xác suất bị bệnh rất nhỏ?</p> <p>- Nguy cơ mắc bệnh ở người rất lớn là do: Cơ thể người thường xuyên tiếp xúc với các tác nhân gây bệnh trong môi trường tự nhiên như virus, vi khuẩn, nấm, nguyên sinh vật,... thông qua vật nuôi, vật dụng, các bề mặt, môi trường ô nhiễm,... Ngoài ra, các yếu tố như rối loạn di truyền, chế độ dinh dưỡng, thói quen sinh hoạt, tiếp xúc với hóa chất độc hại, tia bức xạ,.. cũng là một trong các nguyên nhân gây bệnh ở người.</p> <p>- Xác suất bị bệnh ở người lại rất nhỏ là do: Mặc dù có rất nhiều tác nhân bên ngoài gây bệnh cho con người, nhưng các tác nhân chỉ gây bệnh khi hội tụ đủ 3 yếu tố: có khả năng gây bệnh, con đường xâm nhiễm phù hợp và số lượng đủ lớn. Đặc biệt, cơ thể người có các cơ chế miễn dịch không đặc hiệu và đặc hiệu nên cơ thể có khả năng chống lại sự xâm nhiễm và gây bệnh của các tác nhân gây bệnh.</p>	<p>+ 1,0đ</p> <p>+ 1,0đ</p>
Câu 30 (1,0 điểm)	<p>Tại sao nuôi tôm, cá thường cần có máy sục khí oxygen?</p> <p>+ Nuôi tôm, cá thường cần có máy sục O₂ vì: Khi nuôi tôm, cá trong ao hồ sẽ dễ xảy ra tình trạng thiếu oxygen cung cấp cho hô hấp của tôm, cá do nồng độ oxygen tan trong nước thấp trong khi mật độ tôm, cá nhiều và diện tích ao hồ có hạn. Bởi vậy, nuôi tôm, cá thường sử dụng máy sục O₂ có tác dụng hòa tan O₂ vào dòng nước, giúp tôm, cá hô hấp tốt, nhờ đó, sinh trưởng khỏe mạnh.</p>	+ 1,0đ